

PHẨM QUÁN ĐIÊN ĐẢO THỨ HAI MƯỜI BA

Hỏi:” Bốn phẩm phá pháp xuất thế, vì sao lại phá điên đảo ư?”

Đáp:

1/ Trước phá thế gian, chẳng phải không có xuất thế, chỉ vì trước thường phá thế gian, sau thường phá xuất thế mà thôi.

2/ Vì muốn chỉ rõ thế gian, xuất thế gian không hai, nên căn cứ trong xuất thế gian mà phá thế gian.

3/ Lại, bày rõ chấp có xuất thế tức là điên đảo, nên phá pháp xuất thế, gọi là phá điên đảo.

4/ Người Nhị thừa đối với thân Như lai, chấp khổ, vô thường, gọi là điên đảo. Vì đã khởi điên đảo đối với pháp xuất thế, nên phá điên đảo trong pháp xuất thế.

5/ Thật ra thân Như lai chẳng phải “có”, “không”, mà chấp “có”, “không”, tức là điên đảo. Vì thế nên nay phá điên đảo này.

Người Đại, Tiểu thừa chỉ có hai pháp:

1) Thế gian.

2) Xuất thế gian.

1/ Trước kia, đã phá thế gian rồi, nêu xuất thế để bào chữa. Nay, phá xuất thế gian rồi, lại nêu thế gian để bào chữa. Bởi người ngoài là người có sở đắc, tâm họ không thể chẳng có đối tượng nương tựa, nên trước sau, nêu lẫn nhau để lập nghĩa.”

Hỏi:” Phẩm người nhiễm đã phá phiền não, tức là phá điên đảo, vì sao nay lại phá nữa?”

Đáp:” Vì phiền não khó phá, nên nay cần phải thường phá. Lại, ở trước phá nhiễm là phá ái; nay phá điên đảo là phá kiến, bởi tất cả chúng sinh đều không thoát khỏi ái và kiến.”

Hỏi:” Vì sao sau khi phá Như lai, kể lại phá điên đảo?”

Đáp:” Căn cứ ở kể mê lầm, vì họ mà nói, gồm có hai nghĩa:

1/ Căn cứ vào tự thực hành: Như lai là người, năng lìa; điên đảo là “hoặc”, sở lìa. Căn cứ ở hóa độ người mà nói, thì trước, đã có Như lai xuất thế; sau, vì dứt trừ phiền não của chúng sinh, cho nên, trước phá Như lai, tiếp theo là phá điên đảo.

2/ Nếu tiếp nối với pháp sinh của văn trước, thì cuối phẩm trên đã nói:” Tánh mà Như lai có, tức là tánh của thế gian.”

Người ngoài nói:” Thế gian lấy phiền não làm tánh; còn Như lai thì dùng sự lìa nhiễm làm thể, sao lại nói Như lai là tánh thế gian ư?” Cho nên, nay nói:

“Viên đảo không sinh, tức là Như lai “

Hỏi:” Viên đảo là sao?”

Đáp:” Viên đảo có chung, có riêng. Chung là:” Tất cả có sở đắc đều là viên đảo, nên kinh Đại Phẩm nói:” Chúng sinh do nhân duyên viên đảo, nên qua lại trong sáu đường.”

Nói riêng:” Có ba đảo; bốn đảo; mười hai đảo; tám đảo.”

Ba đảo, là:” Tướng, tâm, kiến.” Tỳ-đàm nói:”Tướng, tâm không phải là “thể” của đảo, chỉ vì bị đảo làm rối loạn, nên gọi là đảo.”

Người Tỳ-Bà-xà-bà-đề nói:” Cả ba thứ đều là “thể” của viên đảo.”

Sư Thành Thật có hai giải thích:

1/ Thức mê thật, nói là tâm đảo; tướng mê giả, nói là tướng đảo; tâm Hành ám mê hai đảo trước mà thành tức kiến đảo.

2/ Căn cứ một thể để phán quyết, tức tâm là “thể” của ba đảo. Thể hẹp làm tâm đảo, bèn sinh ra tướng khác lạ làm tướng đảo. Quyết định hẹp hòi là kiến đảo. Phẩm nặng của ba đảo này thuộc về “kiến hoặc”; nhẹ, thuộc về “tu hoặc”; phẩm hạ, thuộc về tập khí. Nay, thể theo ý Long Thọ, hễ thiếu “có tâm”, tức là tâm đảo; có đối tượng tướng, niệm, đều là tướng đảo; hễ có đối tượng thấy, đều là kiến đảo.

Hỏi:” Ba thứ đảo phát sinh, dứt trừ trong hai thời, làm sao đồng, khác?”

Đáp:”Luận Trí Độ giải thích phẩm Tùy hỷ, nói ba thứ đảo: Lúc sinh khác; lúc dứt khác. Khi phát sinh, trước là khởi tâm tướng, về sau, khởi kiến đảo. Đây là từ nhẹ đến nặng. Thời điểm dứt trừ, trước là dứt trừ kiến, sau là dứt tâm tướng, nên kiến đảo, thuộc kiến đế dứt trừ; tâm tướng thuộc tư duy dứt trừ.

Bốn đảo, nghĩa là đối với sinh tử, khởi lên thường, lạc, ngã, tịnh.”

Hỏi:” Bốn đảo lấy gì làm thể?”

Đáp:”Tỳ-Bà-Sa chép rằng:” Lấy tâm sở tuệ làm “thể””

Hỏi:” Trong năm kiến có bao nhiêu đảo, bao nhiêu chẳng phải đảo?”

Đáp:”Bà-Sa chép rằng:” Hai kiến rười là đảo, trong ngã kiến có “ngã”, ngã sở. Ngã kiến là ngã đảo; ngã sở kiến (đối tượng chấp ngã), không phải ngã đảo.” Lại có thuyết nói: Ngã và ngã sở gọi chung là ngã đảo, trong biên kiến có đoạn có thường, lấy thường kiến làm thường đảo, trong kiến thủ có riêng trên đầu chân, không có lạc tịnh chấp là tịnh, là độc đầu kiến thủ, gọi là lạc tịnh đảo, hai kiến rười còn lại cho là

đoạn kiến hoặc chấp trong tà kiến biên kiến, đây chẳng phải là đảo.

Hỏi: "Vì sao tà như thế?"

Đáp: "Gồm, có năm nghĩa, mới được gọi là đảo:

1/ Tánh của kiến, là phân biệt độn sử.

2/ Duyên chân sinh, nghĩa là "hoặc" mê lý; phân biệt với "hoặc" mê sự.

3/ Trên quả, khởi sinh trên khổ đế.

4/ Chính là trái nhau, dưới khổ đế, có lý khổ vô thường. Nay, chính là trái với khổ đế, nên chấp thường, lạc, ngã.

5/ Là độc đầu, không phải trên chân.

Bà-sa lại nói: "Vì đủ ba nghĩa nên gọi là đảo:

1/ Tánh mạnh mẽ, nhạy bén.

2/ Vọng chấp

Đồng với tánh đảo.

Tà kiến, đoạn kiến, là tánh mạnh mẽ, nhạy bén, không phải là điên đảo. Vì hoại cảnh giới, nên giới thủ là tánh mạnh mẽ, nhạy bén, và vọng chấp, không đồng với tánh đảo. Hai "kiến" rưỡi còn lại, về sự, đủ ba nghĩa.

Luân Câu xá có ba nghĩa lập đảo:

1/ "Tăng hữu", như vô "ngã", chấp là "ngã".

2/ Quyết định.

3/ Bối cảnh (để hiểu).

Hai kiến rưỡi đủ ba nghĩa: Hai kiến rưỡi còn lại, không có "tăng hữu".

Tiếp theo, là nói về mười hai thứ đảo:

Thượng tọa bộ và Tỳ-bà-xà-bà đề nói bốn đảo, trong mỗi đảo đều có đủ: tướng, tâm, kiến, nên gọi là mười hai đảo:

Tám kiến đế này dứt trừ bốn là tu đạo đoạn.

Tám kiến đạo dứt trừ, nghĩa là đảo vô thường, tướng thường, đảo vô thường, chấp là thường; ba đảo còn lại cũng thế, nên tám đảo này thuộc về đoạn kiến.

Bốn thứ thuộc tu dứt trừ. Là bốn thứ tâm đảo. Lúc đến khổ nhẫn, dứt trừ hết tám đảo. Đến tâm Kim cương, dứt hết cả bốn.

Luân Câu xá lại nêu một sự rằng: "Bốn thứ đảo kiến trong mười hai thứ, thuộc kiến đế dứt trừ, tám thuộc tu đạo dứt trừ."

Người Số luận nói: "Chỉ kiến là đảo, chỉ có bốn, không có mười hai đảo.

Lại, chỉ kiến dứt trừ, không phải tu dứt trừ, chỉ "hoặc" phẩm hạ

của khổ đế, chứ không phải “hoặc” phẩm hạ của ba đế.

Hỏi: “Người của hai quả đầu đã không có bốn đảo, thì làm sao khởi ái, cũng làm lễ chồng vợ ư?”

Đáp: “Bà-sa đưa ra hai cách giải thích:

Rằng: “Khởi lạc, tịnh có hai:

Khởi đối với đế lý; người của hai quả đầu thì không có.

Khởi trong sự thì có.”

Rằng: “Người của hai quả lúc khởi ái nhiễm, thật khởi lên tưởng khổ bất tịnh, nhưng không phải được rồi mới khởi. Thí dụ như Bà-la-môn nướng ngón tay, đâu biết rằng ngón tay bất tịnh, chỉ vì đau đớn, nên để nguyên ngón tay thít vào miệng.” Sự tưởng khổ bất tịnh kia cũng vậy.

Về mười hai thứ đảo, Tỳ bà xà bà đề nói: “Ba đảo: tưởng, tâm, kiến là gốc. Mỗi đảo đều khởi bốn thứ thường, lạc, ngã, tịnh thành mười hai đảo. Nếu theo Tạp Tâm thì chỉ kiến, tâm, sanh khởi, gọi là đảo, như trước đã nói.

Nói tám đảo. Tạp Tâm nói: “Tưởng, tâm, kiến của sự chỉ khởi lên bốn đảo thường, lạc, ngã, tịnh trong sinh tử, không khởi bốn thứ khổ, vô thường của Phật địa sau.

Sư Luận Thành Thật nói: “tám đảo trước, sau đều là “kiến hoặc”, chứ không phải tư duy “hoặc”, ba sử thuộc trong kiến v.v... ngã đảo, thuộc ngã kiến; thường đảo thuộc về biên kiến; lạc, ngã, tịnh thuộc kiến thủ.

Thường, cho là vô thường đều là “có”, mà nói “không”, thuộc về tà kiến.”

Lại có thuyết nói: “Bốn đảo sau thuộc về vô minh, sử dĩ như thế? – Vì người Nhị thừa sau khi dứt trừ kiến, tư, “hoặc” xong, cũng vẫn còn khởi lên bốn đảo sau, nên biết thuộc về vô minh.” Cách giải thích này thích hợp.”

Hỏi: “Khi xưa, ngoại đạo, phàm phu đã chấp bốn đảo như thường v.v... trong sinh tử; người Nhị thừa đối với Pháp thân, lại khởi lên bốn đảo như vô thường v.v.... Vì phàm Thánh hợp luận nên có tám đảo. Có thể nói là người Nhị thừa hiện nay có đủ tám đảo hay không?”

Đáp: “Cũng có đủ, vì chấp Phật địa là vô thường, nên có bốn thứ như vô thường v.v..., và, họ còn chấp Niết-bàn của mình là thường, lạc, đây tức là vô thường chấp thường, vì sao? Niết-bàn của Nhị thừa thật ra không có thường, lạc, chấp là thường, lạc, do đó, nên có bốn đảo như thường v.v....”

Hỏi:” Người Nhị thừa không chấp Niết-bàn là “ngã”, sao lại có “ngã” đảo ư?”

Đáp: “Ngã có hai thứ:

1) Người ngã; 2) Pháp ngã.

Dù họ không có “nhân ngã”, nhưng vì chấp có Niết-bàn, tức là “pháp ngã”, nên có ngã đảo. Người phàm phu đầy đủ tám đảo, điều này dễ hiểu.

Phẩm này vì phá đủ hai đảo chung, riêng nên nói là Phẩm phá điên đảo.”

Hỏi:” Phá điên đảo chung, riêng là sao?”

Đáp: “Trong phẩm này không phải chỉ phá tám đảo, mà đồng thời cũng bác bỏ luôn tám hạnh của người ngoài cho nên biết rằng, chấp sinh tử thường, vô thường, đều là đảo, cho đến bốn quan điểm cũng đều là đảo tức là phá đảo chung, chính phá bốn đảo v.v..., đó là phá đảo riêng.”

Hỏi:” Thế nào là phá điên đảo?”

Đáp: “Trong, ngoài, Đại, Tiểu thừa đều nói có điên đảo này, không biết bản tánh của điên đảo là, vắng lặng. Nay, luận chủ tìm điên đảo ấy không thể được, tức là thật tướng, nên nói là phẩm Phá Điên Đảo. Vả lại, các Đại, Tiểu thừa trong, ngoài đều nói “có” điên đảo sinh ra, mà muốn tiêu diệt điên đảo, thì chúng không diệt. Nay, tìm điên đảo thì nhận thấy chúng vốn tự không sinh, nay cũng không diệt, nên điên đảo bèn diệt, cho nên gọi là phá điên đảo. Lại, người ngoài thấy hai tướng điên đảo, không điên đảo, thì đó là minh và vô minh mà người ngu cho là hai. Nếu chấp đảo, bất đảo là hai, thì điên đảo và không điên đảo đều thành điên đảo.

Nay, hiểu rõ đảo, và bất đảo vốn không có hai tướng, cho nên đảo và bất đảo đều gọi bất đảo, cho nên phá điên đảo.

Người chia ra phẩm này giải thích khác v.v..., phần nhiều đều không trúng ý chỉ. Nay, chia làm hai:

Phá nghĩa điên đảo, phiền não sinh.

Nếu tánh phiền não thật ... trở xuống, là phần thứ hai, phá nghĩa diệt phiền não điên đảo.

Sở dĩ chia điên đảo này ra làm hai, là vì người Đại, Tiểu thừa trong, ngoài đều nói:” Trước đã có điên đảo phiền não sinh ra, về sau, do nhờ tu đạo đối trị dứt trừ chúng, làm cho chúng dứt mất, thế nên nay nói:

“Phiền não xưa tự không sinh, nay cũng không diệt, lại kinh Tịnh

Danh nói:” Nếu Tu Bồ-đề không dứt trừ phiền não, cũng không đều có với chúng, thì mới xứng đáng nhận lấy thức ăn.”

Điều có chung với phiền não, nghĩa là nói người phàm phu dứt trừ phiền não là nói hàng Nhị thừa.

Nay, ngay chương đầu, đã nói tìm phiền não sinh ra không được, là đã giải thích nghĩa không có chung với phiền não.

Chương tiếp theo, nói phiền não không diệt, là đã nói nghĩa không dứt trừ phiền não.”

Phổ Hiền Quán chép rằng:” Chư Phật mười phương nói:” Pháp sám hối không dứt trừ biển kiết, sử, không dừng lại nơi biển kiết, sử”, cũng đồng với nghĩa của luận này.

Hai chương này chính là đại sám hối của Phương Đẳng, trong từng niệm, có thể thấy Bồ-tát Phổ Hiền và chư Phật mười phương tiêu diệt tội nặng. Và lại, hai chương này quán điên đảo không sinh, không diệt, tức là phát chánh quán Trung đạo. Hơn nữa, quán không sinh, không diệt, tức là Pháp thân Niết-bàn, nên kinh Vô Hành nói:” Ba độc là đảo của vô lượng Chư Phật.”

Chương đầu lại chia làm hai:

1/ Trước là phá điên đảo phiền não.

Như thế, điên đảo đã diệt ... trở xuống, 2/ kết ý phá.

Kết ý phá, nghĩa là nếu có thể chánh quán như phẩm này thì phiền não điên đảo sẽ được rốt ráo dứt hẳn. Khác với pháp quán này tức là tà quán, không phải chỉ “hoặc” cũ không dứt trừ, mà đảo mới lại càng khởi lên thêm.

Căn cứ chương đầu, lại chia làm hai:

Phá hết phiền não.

Phá hết điên đảo.

Sở dĩ phá hai thứ này là vì, phá phiền não, chính là phá chúng sinh tại gia khởi ái; phá điên đảo tức là đả phá, xuất gia khởi kiến ngoại đạo.

Lại nữa, thiên ma khởi phiền não; ngoại đạo khởi lên điên đảo. Và, vì chúng sinh với căn tánh chậm lụt, nên khởi phiền não; còn chúng sinh căn cơ nhạy bén thì khởi điên đảo. Lại, phàm phu khởi lên phiền não; Nhị thừa khởi điên đảo.”

Hỏi:” Vì sao trước phá phiền não, sau phá điên đảo?”

Đáp:” Trước, vì có tại gia khởi ái; sau có xuất gia khởi kiến, nên trong nhà lửa, trước, nói về trùng độc; sau nói về quỷ dữ. Do vậy, ai muốn thoát ra khỏi ngôi nhà lửa này, thì phải dựa vào phẩm này mà

quan sát ái kiến. Hơn nữa, theo ý Pháp Hoa, gồm có bốn hạng người:

1/ Chúng sinh căn cơ chậm lụt khởi ái, không biết nhàm chán, không biết xuất ly.

2/ Ngoại đạo điên đảo, biết nhàm chán, không biết xuất ly.

3/ Người Nhị thừa biết nhàm chán, biết xuất ly nhưng chỉ là lối ra khúc khuỷu, cong vạy.

4/ Người Bồ-tát dựa vào phẩm này như thật chánh quán, biết nhàm chán, vừa biết xuất ly, gọi là thẳng ra.

Căn cứ đầu tiên phá phiền não, chia làm bốn phần khác nhau:

1/ Lập.

2/ Phá.

3/ Bào chữa.

4/ Phá bào chữa.

Nhờ tưởng phân biệt, nghĩa là nhân của ba độc: sinh ra, tham, giận, si sinh ra quả của ba độc.

Điên đảo của tịnh, bất tịnh: giải thích từ nhân sinh ra quả ở trên, do chấp tịnh, bất tịnh điên đảo, rồi sinh ra ba độc, đều từ nhân duyên sinh, đây là nói về hai thứ sinh nhau:

1/ Xuất phát từ phân biệt nhớ tưởng, sinh ra điên đảo.

2/ Từ đảo của tịnh, bất tịnh, sinh ra ba độc, nên nói: “Đều từ nhân duyên sinh ra.” Vì thế, nên Tịnh Danh nói: “Tham dục lấy điên đảo làm gốc; điên đảo lấy tưởng phân biệt làm gốc; tưởng phân biệt dùng vô trụ làm gốc.

Năm bài kệ trong phần đáp tức là năm phần khác nhau:

1/ Dùng môn không có tự tánh để phá.

2/ Dùng “người” so sánh với “pháp” để phá.

3/ Không có hệ thuộc, phá.

4/ Dùng năm tìm kiếm để phá.

5/ Lấy nhân so sánh với quả để phá.

Phần đầu lại chia làm hai:

Nửa kệ trên, là nhắc lại.

Nửa kệ dưới, là phá.

“Nếu phiền não có tự thể, thì không nên từ nhân mà sinh. Nếu từ nhân sinh, thì không có tự tánh, vì tự tánh của phiền não là không. Trong kinh nói phiền não từ nhân duyên sinh.”, nghe nói vậy, người ngoài bèn cho rằng “có” phiền não.

Luận chủ trình bày ý kinh: “Nếu phiền não từ nhân duyên sinh ra, tức là “không”.”

Kệ thứ hai, lấy “người” so sánh với “pháp” để phá. Nghĩa là kệ trên đem “người” để hiển bày quả. Đây là dùng quả phá qua, vì “ngã kiến” và ba độc đều là phiền não, nên đều là quả.

Sở dĩ so sánh “ngã” với phiền não, là vì kinh Đại Phẩm thường nêu “ngã” để so sánh với “pháp”.

Ngài Long Thọ nói: “Đệ tử Phật, đa số đều biết “vô ngã”, nên Phật nêu “ngã” để so sánh.

Nửa kệ trên, nêu “ngã” hữu là vô.

Nửa kệ dưới, so với “pháp” cũng “không”

“Ngã”, pháp có là do “không”, nghĩa là cái “ngã” là “có”, là “không”, mà trước kia đã phá rồi.”

Hỏi: “Chỗ nào trong phẩm phá “ngã” là “không”?”

Đáp: “Chỗ nào cũng có văn, tức bốn quan điểm của phẩm Như lai, đã tìm Như lai không thể được, Như lai tức “ngã”, lại phá “ngã” như hư không trong phẩm Pháp cũng là phá “không”.

Nửa kệ dưới, so sánh với “pháp”: “ngã” là “hoặc” nhạy bén. “Hoặc” này đã là “không”, phiền não là sử chậm lụt, làm sao “có” được? Hơn nữa, “ngã” là gốc rễ đã “không”, còn phiền não là ngọn ngành. Vì gốc là “không”, nên “ngọn” cũng “không”. Lại, phiền não là cái của “ngã”, ở “ngã” đã “không”, thì đâu có “ngã sở”? Lại “ngã”, năng khởi “hoặc” đã “không” “ngã”, thì ai khởi “hoặc” ư?”

Hỏi: “Phiền não “có”, “không” là thế nào?”

Đáp: “Chấp ba độc là “có”, là “không”, đều gọi là phiền não. Lại, hiện hữu phiền não, gọi là “có”; phiền não quá khứ, vị lai, gọi là “không”, cũng có chấp này, tức là phiền não.

Vì sao ... trở xuống, là sanh ra “không” của kệ thứ ba, thuộc về phá.

Nửa kệ trên, tìm kiếm người khởi phiền não không được.

Nửa kệ dưới, chính là tạo ra “không”, thuộc về phá.

Nửa kệ trên, bác bỏ người khởi phiền não: đó là thế gian, ngoại đạo, Độc tử và phái Giả có thể, dụng.

Nửa kệ dưới, chính là tạo ra “không” thuộc để phá.

Nửa kệ trên, nêu đối tượng nương dựa để phá chủ thể nương dựa.

Nửa kệ dưới, là nói: Vì có đối tượng nương dựa, nên có chủ thể nương tựa. Đối tượng nương tựa đã “không”, thì chủ thể nương tựa cũng “không”. Hơn nữa, “người” là chủ thể khởi; “hoặc” là đối tượng khởi. Chủ thể khởi đã “không”, thì đối tượng khởi cũng “không”. Độc tử,

Phật Đà, Thành Thật Thí dụ, đều nói rằng:” Vì con người là chủ thể thành tựu, nên phiền não lệ thuộc con người. Con người đã “không”, thì phiền não sẽ thuộc vào đâu ư?”

Nếu cho rằng dù không có ngã ... trở xuống, là sinh năm tìm tòi của bài kệ thứ tư để phá.

Ở trước đã phá phiền não không thuộc về người, là phá Nhất thiết hữu Ngã bộ. Nay, dùng năm tìm tòi để phá, nói phiền não không thuộc về tâm là phá.” Nhất thiết vô ngã bộ, như nghĩa của Đàm Vô Đức, Tăng-kỳ, Tỳ-đàm v.v... làm cho hai người này đều thành Phật. Hơn nữa, kệ trước phá “ngã”, luận chủ vì muốn cho ngoại đạo biết “không” “ngã”, “không” phiền não, tức thể ngộ hai vô danh của “người”, “pháp”, sao cho người ngoại đạo nghe lời luận chủ nói, đều được thành Phật. Về sau, phá thuộc về tâm, sao cho tất cả người Tiểu thừa và người Đại thừa có đối tượng chứng đắc, đều ngộ nhập pháp vô sinh, được thành Phật. Vì luận này là luận Đại thừa, nên Luận chủ muốn cho tất cả mọi người đều nương theo Đại thừa để cùng nhau tiến đến địa vị Phật.”

Hỏi:” Những người Đại thừa nào nói là phiền não thuộc về tâm?”

Đáp:” Như Sư Nhiếp luận nói:” Tất cả phiền não đều nương tựa bản thức.”

Hỏi:” Nhiếp luận là luận Đại thừa, nay, sao lại phá Nhiếp luận?”

Đáp:” Nhiếp luận nói bản thức là tánh y tha, tức là từ nhân duyên sinh; nhân duyên sinh không có tự tánh, tức là vắng lặng, mà Sư Nhiếp luận lại nói rằng:” tánh Y tha có tự “thể” giả, há là đã hiểu Nhiếp luận ư?”

Nửa kệ trên, là nêu thân kiến, năm tìm tòi “không” được.

Nửa kệ dưới, so sánh tâm và năm ấm phiền não năm ấm gọi là thân, đó khởi kiến, gọi là thân kiến. Nếu thân kiến với năm ấm là “một”, thì thân kiến của năm ấm, tức là năm ấm; một thân kiến với thân kiến, chỉ ở hành ấm, thì năm ấm đều ở hành ấm.

Nếu thân kiến “khác” với ấm, thì chẳng phải thuộc về ấm, lẽ ra là vô vi? ba ấm còn lại đều là “khác”, là môn “đồng”, “dị” đã phá.

Nửa kệ dưới, có hai thứ năm tìm kiếm.

Căn cứ năm thứ trong tâm như bản để tìm kiếm phiền não, tức là căn cứ gốc để tìm kiếm ngọn.

Dựa vào phiền não để tìm kiếm tâm như bản, tức là căn cứ ở ngọn để tìm gốc. Đây là muốn nói không có phiền não, cũng không có tâm như bản, tức là giải thích kinh Tịnh Danh, nói:” Tâm “không”, tội

cũng “không”.” Và lại, chính người Đại thừa đều chấp trong kinh chép rằng:” Ba cõi do một tâm tạo.” Hoặc nói rằng:” Một tâm tham tạo ra.”; hoặc nói:” Một tâm của Lê-da tạo tác.”

Căn cứ năm tâm như bản để tìm kiếm phiền não: “Nếu “tức” tâm như bản có phiền não thì sẽ không có chủ thể lệ thuộc, đối tượng lệ thuộc. Đã là một vật hoặc là chủ thể lệ thuộc thì đương nhiên sẽ không lệ thuộc, nếu là đối tượng lệ thuộc, thì không có chủ thể lệ thuộc. Không như vậy, thì chẳng phải chủ thể lệ thuộc, cũng chẳng phải đối tượng lệ thuộc, về nghĩa khởi cũng như thế.

Hơn nữa, tâm như bản và phiền não là “một”, nên hễ dứt trừ phiền não, tức là dứt trừ tâm; Bạc Thánh thì lẽ ra không có tâm. Nếu không dứt tâm, cũng không dứt phiền não, thì Bạc Thánh có tâm, lẽ ra có phiền não?

Nếu tâm như “khác” với phiền não, thì lìa tâm, lẽ ra có phiền não riêng, tức là phiền não không gây buồn phiền cho tâm, cũng không sinh chung với tâm.

Hơn nữa, tâm tự là phiền não tâm, lẽ ra không phải là tâm pháp, ba tâm còn lại đều là “khác”, đã được phá trong “đồng”, “dị”.

Tiếp theo, căn cứ năm thứ phiền não để tìm tâm như bản. Nghĩa là tâm như bản và phiền não là “một”: Phiền não đã thuộc về hành ấm, thì bốn tâm đều là hành ấm, sẽ không còn bốn tâm nữa.

Nếu tâm như bản khác với phiền não, thì phiền não sẽ tự như, tâm lẽ ra không như, phiền não sẽ không làm nhiễm tâm; ba tâm còn lại được phá trong “đồng”, “khác”.

“Tịnh, bất tịnh điên đảo ... trở xuống, là đoạn thứ năm, lấy nhân so sánh với quả để phá:

Nửa kệ trên, là nói không có tự tánh của nhân.

Nửa kệ dưới, là nói không có quả.

Người ngoài cho rằng:” Vì nhân thanh tịnh, khởi tham; nhân bất thanh tịnh khởi sân”, nên tịnh, bất tịnh là nhân của ba độc. Tịnh, bất tịnh đã gọi điên đảo, thì chẳng phải thật có; vì nếu là thật có, thì đã không gọi điên đảo. Hiện nay, cũng không có nhân điên đảo, thì đâu có quả phiền não.”

Hỏi rằng:” v.v... trở xuống, là phần thứ ba, bào chữa. Đưa ra cách bào chữa này, có hai ý:

Sáu trần là gốc của tịnh, bất tịnh; tịnh, bất tịnh là gốc của ba độc. Đã có sáu trần, đâu không có ba độc và tịnh, bất tịnh ư?

Phát sinh gần: Luận chủ đã lấy gốc để so sánh với ngọn. Vì “gốc”

“đảo” không, nên “ngọn” tham, sân cũng “không”.

Người ngoài Nhân phá này, cũng so gốc với ngọn: vì do “gốc” có, nên “ngọn” liền có. “

Đáp rằng: “... trở xuống, là phần thứ tư, phá, lại chia làm ba phần khác nhau:

1/ Phá sáu trần của người ngoài.

2/ Phá đảo tịnh, bất tịnh.

3/ Phá ba độc của họ.

Lại phá sự bào chữa của người ngoài, trong bào chữa có ba việc từ gốc đến ngọn. Hai kệ được chia làm hai:

1/ Kệ đầu, nói thể của sáu trần là không .

2/ Kệ thứ hai, là nói trong sáu trần không có tịnh, bất tịnh.

Cả hai kệ đều là pháp thuyết của nửa bài kệ trên; nửa kệ dưới, nêu thí dụ, lấy đại ý của người ngoài:” Nếu nói đối với mắt tức là có thì như nước trong lửa, thật ra trong ánh lửa không có nước. Người đi săn thú cho rằng trong ánh lửa có nước. Lại còn cho rằng nước có tịnh, bất tịnh. Nhân tịnh, bất tịnh, mà sinh tham, sân; tham, sân sinh ra nghiệp, vì nghiệp nên có khổ. Nay, cũng không có nước, làm sao có tịnh, bất tịnh, cho đến phiền não, nghiệp khổ ư?”

Giải thích về “cảnh” “không”, có ba nhà:

1/ Trang chu nói:” Cảnh không có nhất định; như sắc đẹp đối với người, là đẹp chim sẽ bay cao khi thấy người.

2/ Bộ Thí dụ nói:” người không thành, thì cảnh không thành.

3/ Nhiếp luận nói:” Cảnh cũng “không”, mà văn luận ấy nói:” Nếu trong văn kinh nói “không”, là chẳng có gì ở luận này nói tánh phân biệt là “không”, tức là “không” cảnh. Nếu nói về sự biến hóa, trò ảo thuật, thì ở luận này nói về tánh y tha, vì trong thế đế không có gì là không có pháp này. “Nay, nói:” Đây là một phen phá “cảnh” mà thôi.”

Nay, luận này chính là đem huyền, hóa để thí dụ cho cảnh, nên nói “tâm”, “cảnh” đều do huyền hóa mà có, đều là “không” của Đệ nhất nghĩa

Văn xuôi chép rằng:” Khi chưa hòa hợp với tâm, thì không, chẳng có chi cả, nghĩa là cái “có”, “không” của pháp không nhờ tâm, mà nay, lúc chưa hòa hợp với tâm, là đã “không” khi hợp, há là “có” ư?

Đại ý ở đây là quán sát luận này và kinh Lăng-già có hai thứ ý:

1/ Từ tâm tưởng này cho rằng, đã có cảnh trước, thật ra là “không”.

2/ Vì từ vọng tâm sinh ra cảnh trước, nên cảnh trước lại lừa dối, mê hoặc tâm.

Hai thứ này tức là tâm sinh ra cảnh; cảnh sinh ra tâm, nhưng nguồn gốc là sinh ra từ vọng tâm, thật ra thì không có cảnh trước, thực sự không phải có.”

“Không nhờ tướng thanh tịnh v.v... trở xuống, là phần thứ hai, hai bài kệ phá tịnh, bất tịnh, đều căn cứ môn “vô tự tánh” để phá.

Kệ đầu, là phá bất tịnh; kệ tiếp theo, là phá tịnh.

“Nếu không có tịnh ... trở xuống, là phần thứ hai, tiếp theo, là phá điên đảo. Trước lập, tiếp theo là phá:

Trong phân lập có ba:

1/ Lập pháp đảo, bất đảo.

2/ “Vì có điên đảo” ... trở xuống, là phần thứ hai, lập người khởi điên đảo. Lập khởi bốn đảo. Trước là người phạm phu, khởi bốn đảo sau là người Nhị thừa. Đã có “người” chủ thể khởi, thì sẽ có “pháp”, đối tượng khởi.

3/ “Vì sao nói đều “không” v.v ... trở xuống, là phần thứ ba, quở luận chủ.

Hỏi:” Vì sao chỉ lập bốn đảo trước, không lập bốn đảo sau ư?”

Đáp: “

1/ Vì lấy trước để so sánh với nhau.

2/ Đối tượng lập trong đây, chính là nghĩa của người Tiểu thừa. Vì người Tiểu thừa chỉ chấp bốn thứ trước là đảo, bốn thứ sau là bất đảo, nên chỉ lập bốn thứ đảo trước.”

Hỏi:” Nếu vậy, phẩm này được gọi là phá điên đảo, lẽ ra chỉ phá bốn đảo trước, không phá bốn đảo sau mới phải?”

Đáp: “Căn cứ ở văn, thật ra là vậy, chỉ phá đảo trước, nhưng vì lấy cái trước để so sánh với cái sau, nên cũng phá đảo sau. Lại phẩm này tên là phá điên đảo, nói đảo của và bất đảo người ngoài, đều thành điên đảo. Vì sao vậy? Vì người ngoài cho rằng, vô thường chấp thường, gọi là điên đảo; vô thường chấp vô thường, gọi là không điên đảo. Nay, nói:” Không có đảo và bất đảo này, nên biết, đảo và bất đảo đều là điên đảo. Xưa Đảo và bất đảo đều là đảo; nay đảo, và bất đảo hiện cũng đều là đảo, nên thành mười sáu đảo.

Lại, chấp bốn quan điểm sinh tử là thường; vô thường; vừa thường, vừa vô thường; không phải thường, không phải vô thường, đều là đảo. Ngã, lạc, tính cũng có bốn, tức là sinh tử có mười sáu đảo; Phật địa cũng mười sáu, hợp thành ba mươi hai đảo. Trong một quan điểm đều có

tướng, tâm, kiến chấp đảo, có thể biết.”

Hỏi:” Người Tiểu thừa cũng phá bốn đảo, so với cách phá của luận này có khác nhau không?”

Đáp: “Tiểu thừa nói pháp đảo, đối tượng chấp, là “không”, tâm, “chủ thể” chấp là “có”. Nay, nói chủ thể chấp đồng với đối tượng chấp. Đối tượng chấp đã “không”, thì chủ thể chấp cũng như thế, cho nên khác nhau.

“Đáp rằng ... trở xuống, là ba môn của chín kệ:

Môn “tánh” “không” của một bài kệ đầu, nhằm phá đảo, bất đảo. Ba kệ tiếp theo, căn cứ môn ba thời gian, nhằm phá đảo, bất đảo. Môn thật, không thật của hai kệ sau, là phá đảo, bất đảo.

Đầu tiên là môn “không”; tiếp theo là môn “hữu”, sau là môn y danh.

Căn cứ bốn kệ đầu, tức bốn:

Kệ thứ nhất, là phá đảo.

Kệ tiếp theo, là phá bất đảo.

Kệ thứ ba, phá chấp.

Kệ thứ tư, tổng kết, phá.

Nửa trên của kệ đầu, là nhắc lại nửa kệ dưới, là phá.

Môn tánh “không”, tức là tên khác của thật tướng. Trong pháp thật tướng, đã dứt hết bốn quan điểm, đâu có pháp thường gọi là đảo ư? Đây là căn cứ đạo lý để nói “không”.

Lại, có hai hạng người Tiểu thừa:

Hạng không tin “pháp không”: Người Tiểu thừa nói có tự “thể” của diên đảo.

Hạng phân tích “pháp không”: Người Tiểu thừa không biết diên đảo vốn “tánh không”.

Nay, vì phá hai hạng người, Tiểu thừa, trình bày nghĩa Đại thừa, nên nói bản tánh của diên đảo là “không”. Lại vì muốn cho hai hạng người Tiểu thừa trước kia, bỏ Tiểu về Đại, nên nói bản tánh “không”.

Kệ thứ hai, cũng nửa kệ trên, là nhắc lại nửa kệ dưới, phá.

Sở dĩ kệ thứ ba phá chấp mắc, là vì nửa trên của hai kệ trước đều nói rằng:” Đối với “vô thường”, chấp “thường”; đối với “vô thường”, chấp “vô thường”. Đây là do chấp nên có đảo, bất đảo. Trong “không” chẳng có đảo, bất đảo này.

Người ngoài bèn nói rằng:” Đã do chấp mà có đảo, bất đảo, thì lẽ ra có chấp, nên họ phải phá.

Lại nữa, người ngoài cho rằng:” Luận chủ nói thật sự có vô thường,

chỉ vì dứt trừ tâm chấp cho người, nên phá vô thường mà thôi. Cho nên, nay nói:” Điều “không” chấp mắc, thì có cái gì để dứt trừ ư?”

Lại, phá đảo, bất đảo ở trước, đây là phá phiền não ngọn. Sự chấp mắc là chấp tướng, chấp tướng là phiền não căn bản, nên tiếp theo, sẽ phá gốc:

Kệ được chia làm ba:

Nửa kệ trên, là nhắc lại nghĩa của người ngoài, câu thứ ba là phá. Câu thứ tư, là quả trách.

Có thể chấp mắc là cảnh thường, vô thường. Sự chấp mắc là chấp tướng phiền não. Người chấp mắc là người khởi chấp mà sử dụng phương pháp chấp mắc là các căn.

Vấn xuôi nêu ra bốn bài kệ vô thường, vô thường v.v... trong tướng vắng lặng của phẩm Như lai.

“Nếu không có pháp chấp mắc ... trở xuống, là kệ thứ tư, kết phá. Kệ, chia làm hai:

Ba câu đầu, kết ba chương trên. Câu thứ tư, là quả trách “Nếu không có theo đuổi gần pháp chấp mắc”, là kết chương thứ ba.

“Nói là tà điên đảo.”, là kết chương thứ nhất.

“Nói chánh không điên đảo, là kết chương thứ hai.

“Có đảo không sinh ra đảo” ... trở xuống, là môn ba thời gian thứ hai, phá.

Trên đây, căn cứ môn “tánh không” nói. Không có đảo, bất đảo. Nay, y cứ trong có “pháp”, cũng không có đảo, bất đảo, cho nên hai chỗ “không” và “hữu”, đã tìm tòi đảo, cuối cùng không có từ đầu.

Lại trước là đoạt phá, nay là chia ra dọc hai chương của ba kệ:

Hai kệ đầu, là căn cứ môn ba thời để phá “nghĩa” đảo sinh. Một kệ tiếp theo, là phá nghĩa đảo bất sinh. Phá đảo sinh, tức là phá đảo, nên môn “tánh không” trên là phá đảo, bất đảo. Nay, môn ba thời cũng phá đảo, bất đảo. Lại sinh, vô sinh đều phá, thì biết sinh, vô sinh đều là đảo. Đảo là “không”, mà cho là “có”. Chánh đạo chưa từng sinh, vô sinh mà chấp là sinh, vô sinh, nên đều là đảo.

Hai kệ đầu, chia làm hai:

Một hàng rưỡi, là chính thức phá; nửa hàng tiếp theo, là quả trách.

Phần đầu lại được chia làm hai:

Một kệ, căn cứ hai môn đã, chưa, để nói “pháp”, và “người” không có nghĩa đảo.

Nửa kệ tiếp theo, nói lúc đảo, cũng không có hai đảo và “người”,

“pháp”.

Nếu đem văn này so sánh với phẩm khứ lai, thì sẽ có năm câu, nghĩa là “pháp” ba, “người” hai.

“Pháp” ba nghĩa là: Đã đi, chưa đi, đang đi.

“Người” hai: là Người đi, người không đi.

Đem năm câu này để phá “người” đảo; “pháp” đảo, cũng có năm. Nhưng năm đảo này được tạo ra “đã”, “chưa”, lại được là “có”, “không”. “Có”, “không” là điền đảo “vốn có”, không cần lsinh nữa; “vốn không có”, thì không thể sinh.

“Đã”, “chưa”, đã đảo; thì việc đảo; đã thôi dứt; chưa đảo, thì chưa khởi đảo.

Nửa kệ trên, là dùng môn “có”, “không”, để phá “pháp” đảo bất sinh.

Nửa kệ dưới, là dùng môn “đã”, “chưa”, phá “người” đảo bất sinh. Dùng môn này để hỏi về nghĩa mê, ngộ:” Vì người mê mà mê, hay vì người giác ngộ mà mê. Nếu vì người mê mà mê thì tức là mê mê. Và, nếu như vậy, thì lẽ ra người ngộ mà ngộ, không phải là người mê mà ngộ. Nay, người mê đã ngộ, lẽ ra cũng là người ngộ mà mê, nếu ngộ mà mê thì lẽ ra Đức Phật là người đã giác ngộ, lẽ ra khởi mê?, không thể giải đáp! (văn đều dễ hiểu).

“Các điền đảo bất sinh ... trở xuống, là phần thứ hai, phá đảo vô sinh:

“Nếu xa là nói chung từ 2 môn “không”, “hữu” trên, đã tìm đảo không được, người ngoài thấy vậy, bèn cho rằng, “đảo là vô sinh”. Nếu căn cứ riêng, chỉ từ trong ba môn ba đời ở trên, để tìm đảo sinh không được, bèn cho rằng, “vì không có sinh”, nên lại phá:

Nửa kệ trên, là phá “pháp” đảo bất sinh; nửa kệ dưới là phá “người” đảo vô sinh.

Một sư nói:” Sinh diệt, không sinh diệt là hai thứ phiền não, vì sinh diệt là lưỡng đối, là phiền não khách; còn không sinh diệt là phiền não cũ căn bản, cho nên trên đây, đã phá phiền não sinh diệt. Nay, sẽ phá phiền não vô sinh.

Lại ở trước đã dùng “vô sinh” để bác bỏ “sinh”, vì “sinh” là bệnh; “vô sinh” là thuốc, nhưng người ngoài chấp thuốc “vô sinh”, nên lại thành bệnh, do đó phải phá.

Lại ở trước đã phá đảo sinh diệt là phá người phàm phu, nhị thừa, bởi phàm phu cho rằng “đảo”, “sinh”; Nhị thừa nói là “đảo”, “diệt”. Nay, bác bỏ đảo bất sinh, chính là phá người Đại thừa, vì người Đại thừa

nói là “đảo” “bất sinh”.

Nay, cả ba người này đều thay đổi mê, đều ngộ nhập Đại thừa được thành Phật.

Trên, đã phá “pháp vô sinh”, tức phá “cảnh vô sinh” và “trí vô sinh”; dưới phá người thực hành “vô sinh”, như kinh Đại Phẩm nói: “Không thấy Bồ-tát, không thấy Ba-nhã mới chính là thực hành Ba-nhã.” Nay, ở đây cũng vậy. “Nếu thường, lạc, ngã, tịnh, môn thứ ba, dựa vào “danh” để phá “đảo”, “bất đảo”. Sở dĩ gọi “dựa vào “danh” để phá, là vì đã gọi diên đảo, thì làm sao có thật; nếu là thật “có”, thì đâu gọi diên đảo?, nên nói rằng “dựa vào danh để phá”.

Kệ đầu, dựa vào “đảo” để phá “đảo”. Kệ thứ hai, dựa vào “đảo” để phá “bất đảo”. Kệ đầu, như văn.

Văn xuôi, từ câu:” Nếu cho rằng ... trở xuống, là kệ thứ hai, ý người ngoài nói:” Bốn đảo đã “không”, thì bốn hạnh lẽ ra “có”, bởi vì “có”, “không” là pháp đối đãi nhau, mà bản kệ đang phá:” Vì ông cho rằng “đảo” là “không”, nên bất đảo là “có”. “Có”, “không” này đối đãi nhau: cũng như “đảo” “bất đảo” đối đãi nhau:” Vì vốn có “đảo”, nên có thể có “bất đảo”. “Không có đảo” có thể đối đãi với cái gì để có “bất đảo”?

Như thế, diên đảo diệt v.v... trở xuống, là trên đây, là đoạn thứ nhất, phá phiền não diên đảo. Nay, chương thứ hai, giải thích chung ý phá:” Nhờ chánh quán diên đảo phiền não như trên, sẽ chúng hoàn toàn bị tiêu diệt hẳn.” Khác với cách quán này, thì sẽ không tiêu diệt.

Văn, chia làm hai:

Câu đầu, theo gần, kết diên đảo diệt.

Ba câu sau, kết chương thứ nhất, nói phiền não bị tiêu diệt.

Diên đảo phiền não đã diệt, thì sông mười hai duyên sẽ cạn, sông Phật tánh tràn đầy. Khác với quán này, thì sông Phật tánh sẽ lững; sông nhân duyên sẽ đầy.

“Nếu tánh phiền não là thật v.v.... trở xuống, là trên đây, chương thứ nhất, đã bác bỏ nghĩa phiền não diên đảo sinh của người ngoài. Nay, chương thứ hai, sẽ phá nghĩa phiền não do tu đạo đối trị được dứt trừ của người ngoài. Người có đối tượng chứng đắc của Đại, Tiểu thừa trong, ngoài, đối với phiền não hai lối:

1/ Không biết phiền não vốn tự bất sinh, mà cho rằng “có” sinh một cách ngang trái.

2/ Lại, khởi lên đạo đối trị, muốn dứt phiền não này, thì đối với diên đảo, lại khởi diên đảo nữa. Vì thế, nên chương trước nói:” Phiền

não vốn tự bất sinh. Nay, một chương này nói nay không có diệt. Không sinh, không diệt tức là chánh quán, phiền não mới diệt.

Nếu cứ theo gàn, sinh ra một chương này, nghĩa là trên nói rằng:” Như thế, diên đảo diệt.” Nghe nói vậy, người ngoài bèn cho rằng, “có” phiền não để diệt. Thế, nên tiếp theo, là phá diệt đó.

Hai kệ được chia làm hai:

Kệ đầu, là phá phiền não tánh thật, không thể diệt.

Kệ thứ hai, là phá phiền não giả gọi, thì không có đối tượng diệt, vì tất cả phiền não đều không ngoài tánh giả.

Vả lại, kệ đầu phá phiền não thuộc về con người, nói không thể diệt. Kệ tiếp theo, là phá phiền não không có con người có thể lệ thuộc, cũng không được tiêu diệt.

Lại nữa, kệ đầu, phá phiền não của người Tiểu thừa, nói không thể diệt; kệ tiếp theo, phá phiền não của Đại thừa, nói không có đối tượng diệt, đều là nửa kệ trên, nhắc lại nửa kệ dưới, là phá văn dễ hiểu.”

Hỏi:” Nếu như vậy, kinh nói:” Một niệm tương ứng với tuệ, dứt trừ phiền não và tập khí. Nay, sao lại nói là không đoạn?”

Đáp: “Nếu nói có “đối tượng đoạn”, thì phiền não sẽ không dứt. Nay, trong đây, vì đã tìm “đoạn” không thể được, nên phiền não liền dứt. Hơn nữa, thấy có phiền não do tu đạo đối trị dứt chứ không phải chỉ phiền não không dứt trừ. Trên phiền não lại khởi bệnh chủ thể, đối tượng, có nghĩa là có đạo đối trị làm chủ thể đoạn; phiền não là đối tượng đoạn.

Nay, đã thể ngộ tánh phiền não “không”, tức là hai bệnh đều dứt.

